UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /2007/QĐ - UBND	*Tuyên Quang, ngày 12 tháng 01 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2010, định hướng đến năm 2020

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 153/2006/QĐ - TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Kết luận số 08 - KL/ TU ngày 01 tháng 8 năm 2006 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại kỳ họp thứ 8;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2006/NQ - HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 7 về Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1078/TTr - SYT ngày 30 tháng 8 năm 2006 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2010, định hướng đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng hệ thống y tế tỉnh Tuyên Quang từng bước hiện đại và hoàn chỉnh, đồng bộ từ tỉnh đến huyện, xã đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ.

Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao sức khoẻ, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống. Phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu về sức khoẻ đã đề

ra trong Chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân giai đoạn 2001 - 2010 *(Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 19/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ)*.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2010

a) Chỉ tiêu chuyên môn

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi đạt dưới 15% vào năm 2010.

- Giảm tỷ lệ sinh hàng năm : 0,5‰.

- Duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ trên 98 %.

- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 01 tuổi đến năm 2010 dưới 13‰.

- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 05 tuổi đến năm 2010 dưới 17‰.

- Tỷ suất chết mẹ đến năm 2010 dưới 70/100.000 trẻ đẻ sống.

- Đạt 18 giường bệnh/vạn dân vào năm 2010 và đạt 20 giường bệnh/vạn dân vào năm 2020.

- Tuổi thọ trung bình : trên 70.

b) Chỉ tiêu về nhân lực

- Đạt tỷ lệ 6,2 bác sĩ/10.000 dân vào năm 2010 và 08 bác sĩ/10.000 dân vào năm 2020.

- Đạt tỷ lệ 0,5 dược sĩ đại học/10.000 dân vào năm 2010 và 01 dược sĩ đại học/10.000 dân vào năm 2020.

- Tỷ lệ điều dưỡng /bác sĩ tại các cơ sở điều trị: 3,5 điều dưỡng /bác sĩ.

c) Chỉ tiêu phát triển kỹ thuật

- Đến năm 2010, có trung tâm khám chữa bệnh kỹ thuật cao (phát triển từ Bệnh viện Đa khoa tỉnh).

- Đến năm 2010, các bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III.

- Có ít nhất một bệnh viện chuyên khoa mới ra đời và hoạt động.

- Có trung tâm cấp cứu lưu động hoạt động vào năm 2010.

- 100% xã, phường, thị trấn đạt và duy trì được chuẩn Quốc gia về y tế xã.

d) Xã hội hóa công tác y tế

Tăng cường phát triển hệ thống y tế ngoài công lập để hệ thống này cung cấp 20 % các dịch vụ y tế vào năm 2010, 30 % vào năm 2020.

- Đến năm 2010 có ít nhất một bệnh viện tư nhân hoạt động và 05 phòng khám đa khoa tư nhân hoạt động với 40 giường bệnh.

- Tiếp tục mở rộng các hình thức liên doanh liên kết trong đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở y tế để nhanh chóng hiện đại hoá các trang thiết bị chủ yếu phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

II. Nội dung phát triển hệ thống y tế

1. Phát triển mạng lưới y tế dự phòng

a) Tuyến tỉnh

- Củng cố Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, tăng cường đào tạo cán bộ, nâng cấp và chuẩn hoá các phòng xét nghiệm thuộc Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đạt tiêu chuẩn Labo an toàn sinh học cấp I. Đến năm 2010, Trung tâm y tế dự phòng có đủ khả năng dự báo, phát hiện và ngăn chặn các loại dịch bệnh, kiểm soát được vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lao động.

- Nâng cấp về cơ sở vật chất của Trung tâm phòng, chống bệnh xã hội.

- Xây dựng trụ sở làm việc của Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khoẻ, Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, mỹ phẩm.

b) Tuyến huyện

Phấn đấu đến năm 2010, 100% trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện có cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động công tác y tế dự phòng trên địa bàn huyện.

2. Phát triển mạng lưới khám chữa bệnh, phục hồi chức năng

a) Tuyến tỉnh

- Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh với quy mô 450 giường và trang thiết bị y tế hiện đại, có đủ các chuyên khoa phục vụ bệnh nhân, phát triển các kỹ thuật cao như phẫu thuật nội soi, phẫu thuật lồng ngực, phẫu thuật sọ não, chấn thương chỉnh hình. Tiếp nhận điều trị các ca bệnh phức tạp từ tuyến dưới chuyển đến và giảm số bệnh nhân phải chuyển về các bệnh viện trung ương.

- Xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh phổi tại địa điểm mới với quy mô 100 giường bệnh.

- Xây dựng Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm tại địa điểm mới với quy mô 100 giường bệnh vào năm 2007 và 150 giường vào năm 2020.

- Đến năm 2015, xây dựng được Bệnh viện Phụ sản với quy mô 50 giường bệnh.

- Xây dựng Trung tâm cấp cứu lưu động vào năm 2010.

- Thành lập Trung tâm giám định y khoa tỉnh vào năm 2008.

- Duy trì 127 giường bệnh y học cổ truyền, đạt 150 giường vào năm 2010.

b) Tuyến huyện

- Xây dựng Bệnh viện Na Hang tại địa điểm mới quy mô 100 giường, Bệnh viện khu C - Yên Hoa với quy mô 50 giường bệnh tại nơi quy hoạch mới để sử dụng vào năm 2008.

- Nâng cấp bệnh các bệnh viện huyện, bệnh viện khu vực về cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế.

- Xây dựng hệ thống phòng khám đa khoa khu vực, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh trong từng giai đoạn.

c) Tuyến xã

100% số xã, phường, thị trấn có trạm y tế được nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị

- 70% trạm y tế có tổ chẩn trị y học cổ truyền, 100% xã, phường, thị trấn có vườn thuốc nam, trên 20% số bệnh nhân tại trạm y tế được khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền.

3. Xã hội hoá công tác y tế

Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động y tế, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ y tế, huy động các thành phần kinh tế tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ y tế. Thực hiện triệt để Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập;

Đến năm 2010, có ít nhất 01 bệnh viện tư nhân, mỗi huyện có ít nhất 01 phòng khám đa khoa tư nhân.

III. Các giải pháp chủ yếu

1. Giải pháp về nhân lực

1.1. Y tế tuyến tỉnh, huyện

Có cơ chế thu hút cán bộ có chuyên khoa sâu, tay nghề giỏi về tỉnh công tác. Có chính sách khuyến khích cán bộ học nâng cao tay nghề, ở trình độ sau đại học. Hàng năm đào tạo lại về công tác quản lý nâng cao trình độ, kỹ năng cho cán bộ quản lý các tuyến. Chọn các cán bộ có trình độ, có triển vọng phát triển để đào tạo chuyên khoa sâu về y tế dự phòng, điều trị như: tim mạch, hồi sức cấp cứu, nhi và đào tạo các phẫu thuật viên thực hiện thành thạo một số phẫu thuật lồng ngực, sọ não, thận, gan mật...

a) Tiêu chuẩn cán bộ

Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đầu tư kinh phí cho đào tạo liên tục, đào tạo nâng cao để đến năm 2010 đội ngũ cán bộ đạt trình độ:

- Văn phòng Sở Y tế : Trưởng, phó phòng ban có trình độ chuyên môn từ chuyên khoa cấp I trở lên.

- Bệnh viện tỉnh có các chuyên khoa đầu ngành về : Hồi sức cấp cứu, Nhi, phẫu thuật chỉnh hình, sọ não, tim mạch, chẩn đoán hình ảnh… ; các trưởng, phó khoa có trình độ chuyên khoa cấp II hoặc thạc sĩ trở lên.

- Các Trung tâm tuyến tỉnh: Phó giám đốc, trưởng, phó khoa có trình độ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ. Giám đốc, có trình độ chuyên khoa cấp II hoặc thạc sĩ trở lên.

- Bệnh viện huyện, Trung tâm y tế dự phòng huyện: Phó Giám đốc, Trưởng khoa, bộ phận có trình độ chuyên khoa cấp I, Giám đốc có trình độ chuyên khoa cấp II hoặc thạc sĩ trở lên.

b) Nhu cầu đào tạo

- Toàn tỉnh từ nay đến năm 2010 đào tạo 25 thạc sĩ, chuyên khoa cấp II; 52 chuyên khoa cấp I (*Trong đó tuyến tỉnh đào tạo 19 thạc sĩ hoặc chuyên khoa cấp II, 13 chuyên khoa cấp I; tuyến huyện đào tạo 6 thạc sĩ hoặc chuyên khoa cấp II; 39 chuyên khoa cấp I).*

- Từ nay đến năm 2010, đào tạo và tiếp nhận bổ sung 82 bác sĩ để đạt 6,2 bác sĩ/vạn dân; giai đoạn 2010 đến 2020, đào tạo và tiếp nhận bổ sung 171 bác sĩ để đạt 08 bác sĩ/ vạn dân.

- Từ nay đến năm 2010, đào tạo và tiếp nhận thêm 25 dược sĩ đại học để đạt 0,5 dược sĩ đại học/vạn dân; giai đoạn 2010 đến 2020, đào tạo và tiếp nhận 39 dược sĩ đại học để đạt 01 dược sĩ đại học/vạn dân.

- Riêng đối với các cơ sở khám chữa bệnh từ nay đến năm 2010 đào tạo và tiếp nhận 393 điều dưỡng, 51 bác sĩ; giai đoạn 2011 - 2020 đào tạo và tiếp nhận 245 điều dưỡng, 70 bác sĩ để đạt 3,5 điều dưỡng/ 01 bác sĩ.

1.2. Y tế xã

Có chính sách khuyến khích các bác sĩ về xã, đào tạo bổ sung cho cán bộ tuyến xã về trình độ quản lý, kỹ năng chuyên môn để đến hết năm 2010, 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ thuộc biên chế xã.

Bổ sung biên chế cán bộ y tế xã, bảo đảm mỗi trạm tối thiểu có 5 cán bộ theo chức danh do Bộ Y tế quy định.

1.3. Y tế thôn bản

Tăng cường hệ thống y tế thôn bản, bảo đảm mỗi thôn bản có từ 01 nhân viên y tế có trình độ từ y tá trở lên hoạt động.

Hàng năm đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ y tế thôn bản bằng các lớp tập huấn ngắn ngày và đào tạo bổ sung, thay thế những người chuyển đi nơi khác hoặc thôi việc, đảm bảo đủ năng lực, trình độ tuyên truyền về sức khỏe và sơ cứu ban đầu cho người bệnh, nâng phụ cấp cho nhân viên y tế thôn bản.

1.4. Y tế trường học

Bổ sung biên chế là cán bộ y tế có trình độ từ trung cấp trở lên, cho các trường phổ thông. Các trường cao đẳng và trường trung học chuyên nghiệp tối thiểu có 03 cán bộ y tế.

Các trường phổ thông: Ưu tiên bổ sung biên chế cho các trường nội trú, bán trú, trường có từ 500 học sinh trở lên.

Từ nay đến năm 2010, bổ sung thêm 347 cán bộ y tế cho trường phổ thông, 06 cán bộ y tế cho trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

2. Giải pháp về thuốc, trang thiết bị, cơ sở vật chất

2.1. Công tác dược

Khai thác tốt các nguồn thuốc, nhằm đảm bảo cung ứng đủ thuốc thường xuyên, kịp thời và có chất lượng tại tất cả các cơ sở khám chữa bệnh, theo danh mục quy định của Bộ Y tế, bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.2. Trang thiết bị

a) Tuyến tỉnh: Đến 2010, Bệnh viện Đa khoa tỉnh được trang bị máy chụp cộng hưởng từ, siêu âm màu, máy tán sỏi ngoài cơ thể... Hoàn chỉnh hệ thống xét nghiệm của Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm y tế dự phòng và Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, mỹ phẩm. Đáp ứng được yêu cầu chẩn đoán bệnh với chất lượng cao, kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, xét nghiệm khẳng định nhiễm HIV; giám sát kiểm nghiệm được chất lượng thuốc chữa bệnh, mỹ phẩm.

b) Tuyến huyện: Đến năm 2010, trang bị đồng bộ cho các bệnh viện huyện, bệnh viện khu vực, Trung tâm y tế dự phòng huyện các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, cấp cứu bệnh nhân, công tác phòng bệnh theo danh mục chuẩn của Bộ Y tế ban hành. Phòng khám đa khoa khu vực trang bị máy siêu âm xách tay và xét nghiệm sinh hoá máu bán tự động, xét nghiệm nước tiểu tự động...

c) Tuyến xã: Các trạm y tế có đủ trang thiết bị y tế cần thiết cho việc chẩn đoán và điều trị của bác sĩ theo quy định của Bộ Y tế.

2.3. Cơ sở vật chất:

Tăng cường đầu tư cho xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các cơ sở làm việc của các đơn vị y tế ở tất cả các tuyến đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Y tế.

3. Giải pháp về xã hội hoá công tác y tế

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền đối với công tác y tế, công tác y tế phải là một nội dung trọng tâm trong các nghị quyết, chương trình, kế hoạch hoạt động của các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương.

- Đẩy mạnh sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể với các hoạt động y tế.

- Xây dựng chính sách ưu tiên về đất, về nguồn vốn để khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập bằng nhiều hình thức như bệnh viện, phòng khám đa

khoa, phòng khám tư nhân, liên doanh, cổ phần và các hình thức dịch vụ y tế chất lượng cao.

- Nâng cao năng lực của Trung tâm truyền thông giáo dục sức khoẻ và hệ thống truyền thông các cấp để nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc tham gia tự bảo vệ sức khoẻ của bản thân, gia đình và xã hội.

4. Giải pháp về quản lý y tế

- Nâng cao năng lực điều hành, giám sát được các hoạt động của tuyến huyện, phòng khám đa khoa khu vực, bằng hệ thống báo cáo thống kê qua Internet.

- Chuẩn hóa hệ thống sổ sách quản lý và báo cáo thống kê tuyến xã.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của trạm y tế, tăng cường giám sát giúp đỡ đội ngũ y tế thôn bản hoạt động, phát huy cao nhất khả năng của đội ngũ này trong công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân.

- Từng bước chuẩn hoá hệ thống thông tin y tế đồng bộ, đảm bảo số liệu y tế thu thập có độ chính xác cao, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đến năm 2007 hoàn chỉnh nối mạng quản lý bệnh viện tuyến tỉnh và quản lý ngành tại Văn phòng Sở Y tế, nối mạng tới các đơn vị tuyến huyện vào năm 2015.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.

5. Kinh phí

5.1. Tổng kinh phí đến năm 2010: Trên 955 tỷ đồng

- Chi cho phòng bệnh: gần 70 tỷ đồng.

- Chi cho chương trình mục tiêu: trên 14 tỷ đồng

- Chi cho giường bệnh: trên 302 tỷ đồng (trong đó chi từ nguồn thu viện phí là trên 87 tỷ đồng).

- Chi cho khám chữa bệnh trẻ em dưới 06 tuổi: gần 24 tỷ đồng.

- Chi cho khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách theo Quyết định 139/2002/QĐ - TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám chữa bệnh cho người nghèo : trên 85 tỷ đồng.

- Chi cho đào tạo: trên 800 triệu đồng.

- Chi cho xây dựng cơ bản và trang thiết bị: khoảng 460 tỷ đồng

5.2. Nguồn vốn

- Ngân sách nhà nước cấp *(Trong đó kinh phí chi theo định mức cho các đơn vị y tế, kinh phí chi khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 06 tuổi, đối tượng chính sách, chương trình mục tiêu do Trung ương hỗ trợ).*

- Bảo hiểm y tế và viện phí.

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

IV. Lộ trình thực hiện quy hoạch

1. Giai đoạn 2006-2007

- Tập trung triển khai hoạt động các đơn vị mới thành lập như Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm y tế dự phòng các huyện, thị xã.

- Triển khai có hiệu quả dự án hỗ trợ, đầu tư nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp các cơ sở điều trị đã được phê duyệt: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện điều dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm, Bệnh viện Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Na Hang, Bệnh viện khu C - Yên Hoa, Phòng khám đa khoa Kim Bình, Thượng Lâm... Đồng thời tiếp tục đầu tư nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện và phòng khám đa khoa khu vực theo Quyết định số 225/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cấp bệnh viện huyện và bệnh viện đa khoa khu vực giai đoạn 2005 - 2008.

2. Giai đoạn 2008-2010

- Hoàn thiện việc đầu tư xây dựng các bệnh viện huyện, bệnh viện khu vực, phòng khám đa khoa khu vực và các trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện.

- Tiếp tục nâng cấp các đơn vị dự phòng tuyến tỉnh.

- Các trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.

- Tiếp tục đầu tư các công trình chưa hoàn thành trong giai đoạn 2006-2007.

3. Giai đoạn 2011-2020

Tiếp tục đầu tư phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh thành trung tâm khám chữa bệnh kỹ thuật cao.

Đầu tư thay thế, đổi mới các trang thiết bị đã hết niên hạn sử dụng hoặc quá lạc hậu của các bệnh viện và các Trung tâm y tế dự phòng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển y tế trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế của tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các cơ quan liên quan chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí nguồn lực cho quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng cơ chế chính sách thực hiện quy hoạch.

4. Sở Tài chính tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn ngân sách hàng năm để đảm bảo yêu cầu thực hiện quy hoạch. Cấp phát, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện quy hoạch.

5. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các đơn vị liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ và địa bàn quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện quy hoạch được phê duyệt tại Quyết đinh này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của ngành, địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Lê Thị Quang

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (Báo cáo)
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Uỷ viên UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Như điều 3 (Thực hiện) ;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Các phòng: VX, TH, TC, XD, NC;
- Lưu VT-VX (Hoà160).